

Bản án số: 67/2020/DS-ST

Ngày: 01/7/2020

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Võ Văn C**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 6 và 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 320/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-DS ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: - Ông **Trần Văn D**, sinh năm: 1962.

- Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm: 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: - Ông **Lê Minh Đ**, sinh năm: 1978.

- Bà **Võ Thị Kim T** sinh năm: 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Chị **Lê Thị Ngọc M**, sinh năm: 1996.

Cùng địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Anh **Ô Gia C**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị G và ông Trần Văn D trình bày:* Do chỗ quen biết nên vào năm 2018 ông bà có cho bị đơn là Lê Minh Đ và Võ Thị Kim T vay 02 lần số tiền là 52.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5% tháng, thời hạn vay khi nào ông bà cần lấy lại thì báo trước cho phía ông Đ, bà T. Khi giao nhận tiền ông Đ, bà T có ghi giấy nhận tiền.

Nay ông bà yêu cầu ông Đ, bà T liên đới trả số tiền vốn vay là 52.500.000 đồng và tiền lãi suất thỏa thuận còn thiếu là 13.842.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 66.342.000 đồng.

** Theo các tờ tự khai đề cùng ngày 28/8/2019 bị đơn ông Lê Minh Đ và bà Võ Thị Kim T trình bày:* Vào ngày 25/01/2018, ông bà có vay của ông D, bà G số tiền là 35.000.000 đồng. Sau khi vay 20 ngày, ông bà trả tiền lãi bà G tính lãi là 7.000.000 đồng. Sau đó, ông bà không có tiền trả lãi bà G tính là 17.500.000 đồng, nên ông bà viết biên nhận nợ theo yêu cầu bà G, số tiền này là tiền lãi, không phải vốn vay. Sau đó, phía ông Đ có trả cho bà G tiếp số tiền lãi là 20.000.000 đồng. Nay ông bà chỉ đồng ý trả tiếp cho ông D, bà G số tiền là 25.500.000 đồng.

** Theo Bản tường trình không đề ngày tháng năm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ô Gia C và chị Lê Thị Ngọc M trình bày:* Anh chị là con đẻ và con rể của ông Đ, bà T. Vào năm 2018, ông Đ, bà T có vay tiền của ông D, bà G số tiền là 35.000.000 đồng. Khi nhận tiền có viết biên nhận nhận tiền đề ngày 26/01/2018, biên nhận do anh C viết và cùng với ông Đ ký tên vào biên nhận nợ. Sau khi vay số tiền này anh cùng vợ tên Lê Thị Ngọc M có trả cho bà G 02 lần tiền lãi, lần thứ nhất trả số tiền 7.000.000 đồng, lần thứ hai trả số tiền 20.000.000 đồng do bà G trực tiếp nhận. Ngoài ra, phía ông D tính tiền lãi vào tháng 04/2018 số tiền lãi là 17.500.000 đồng, do ông Đ bà T không có tiền trả nên phía ông D yêu cầu ghi biên nhận nợ, nên anh có ghi biên nhận nợ số tiền này theo yêu cầu phía ông D đề ngày 04/4/2018 có anh cùng ông Đ, bà T cùng ký tên. Anh chị xác định số tiền 17.500.000 đồng theo biên nhận đề ngày 04/4/2018 là tiền lãi thiếu của số tiền vốn vay 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ một phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 35.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà G, ông D kiện tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2]. *Về quan hệ tranh chấp:* Bà G, ông D kiện yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền đã vay của ông bà, nên xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Theo lời ông D, bà G khai vào năm 2018 có cho bị đơn là Lê Minh Đ và Võ Thị Kim T vay 02 lần số tiền là 52.500.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, nhưng không có thỏa thuận mức lãi suất, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 26/01/2018 vay số tiền là 35.000.000 đồng; Lần hai ngày 04/4/2018 vay số tiền 17.500.000 đồng. Khi giao nhận tiền phía bà T, ông Đ có ký nhận tiền, đồng thời cung cấp chứng cứ là 02 biên nhận nhận tiền đề các ngày 26/01/2018 và ngày 04/4/2018.

Ông Lê Minh Đ và bà Võ Thị Kim T thừa nhận có vay của ông D, bà G số tiền là 35.000.000 đồng vào ngày 26/01/2018. Sau khi vay ông, bà có trả tiền lãi cho phía ông D, bà G số tiền là 27.000.000 đồng (Trả làm 02 lần, lần đầu trả 7.000.000 đồng, lần hai trả 20.000.000 đồng). Còn số tiền 17.500.000 đồng theo giấy ghi nợ ngày 04/4/2018 là tiền lãi của số tiền 35.000.000 đồng mà bà G tính ông, bà tiền lãi thiếu, không phải tiền vốn vay như lời ông D, bà G khai, nên phía ông, bà viết biên nhận nợ theo yêu cầu bà G.

2.2. Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 02 giấy nhận tiền đề các ngày 26/01/2018 và ngày 04/4/2018, theo nội dung 02 giấy cụ thể giấy đề ngày 26/01/2018 nội dung “...Ô gia C có mượn chú D và cô R số tiền 35.000.000đ...” phía dưới chữ người mượn ký tên và ghi tên là Ô Gia C và ông Lê Minh Đ ký và ghi tên một bên. Giấy đề ngày 04/4/2018 nội dung “... Ô Gia C có mượn cô Sáu (17.500.000 đ)...” Ông Đ, bà T và anh Ô Gia C ký và ghi họ tên phía dưới.

Xét thấy, mặc dù theo nội dung 02 biên nhận ghi Ô Gia C mượn tiền, nhưng ông Đ, bà T thừa nhận ông bà là người vay tiền. Ô Gia C là con rể của ông bà chỉ đứng ra viết và ký biên nhận với ông, bà. Như vậy, quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông D, bà G với ông Đ, bà T thực tế phát sinh quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền vay 35.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 26/01/2018, ông Đ, bà T thừa nhận có vay như lời ông D, bà G nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Ông Đ, bà T thừa nhận giấy nhận nợ ngày 04/4/2018 do nguyên đơn cung cấp đúng là do ông bà ký và ghi họ tên, theo nội dung biên nhận này ghi mượn số

tiền 17.500.000 đồng, nhưng ông Đ, bà T khai đây là tiền lãi phát sinh từ số tiền 35.000.000 đồng. Mặc dù ông D, bà G không đồng ý và xác định đây là số tiền vay không phải tiền lãi như phía ông Đ, bà T khai. Tuy nhiên, việc vay tiền của các bên trước khi ông D, bà G kiện tại Tòa án thì phía ông Đ có đơn G cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Cái Bè tố cáo ông D, bà G việc cho vay nặng lãi và hủy hoại tài sản của ông D, bà G. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Cái Bè đã mời các bên đến để tiến hành ghi lời khai và đối chất giữa hai bên. Tại các Biên bản đối chất giữa bà Nguyễn Thị G với ông Lê Minh Đ và anh Ô Gia C cùng ngày 01/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Cái Bè lập thì bà G thừa nhận số tiền 17.500.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 04/4/2018 là tiền lãi phát sinh từ số tiền vốn vay 35.000.000 đồng và tại phiên tòa bà G thừa nhận lời khai đối chất tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Cái Bè lập là đúng lời khai của bà. Do vậy, xác định số tiền 17.500.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 04/4/2018 là tiền lãi phát sinh từ số tiền vốn vay 35.000.000 đồng và xác định số tiền vốn ông Đ, bà T vay của ông D, bà G là 35.000.000 đồng.

2.4. Ngoài ra, ông Đ, bà T khai sau khi vay tiền có trả tiền lãi cho ông D, bà G 02 lần tổng số tiền là 27.000.000 đồng (Cụ thể lần thứ nhất trả số tiền 7.000.000 đồng, lần thứ hai trả 20.000.000 đồng) do bà G trực tiếp nhận. Còn bà G thì khai bà có nhận số tiền 7.000.000 đồng do phía ông Đ, bà T trả, nhưng cho rằng đây là số tiền bà T trả thiếu ở khoản tiền khác, không phải trả tiền lãi như lời ông Đ khai. Xét thấy, bà G khai bà T còn thiếu khoản tiền khác nhưng không được bà T thừa nhận và bà G cũng không có chứng cứ chứng minh bà T còn nợ bà khoản tiền khác ngoài các khoản tiền bà đã kiện. Hơn nữa, tại các Biên bản đối chất giữa bà Nguyễn Thị G với ông Lê Minh Đ và anh Ô Gia C cùng ngày 01/7/2019 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Cái Bè lập thì bà G thừa nhận có nhận số tiền lãi 7.000.000 đồng. Do vậy, có căn cứ xác định bà G đã nhận tiền lãi của phía ông Đ, bà T số tiền 7.000.000 đồng.

Riêng đối với số tiền 20.000.000 đồng bà G không thừa nhận có nhận tiền, phía ông Đ, bà T không có chứng cứ chứng minh cho việc trả số tiền này, nên không chấp nhận lời khai này của ông Đ, bà T.

2.5. Về mức lãi suất cho vay: Tại phiên tòa, hai bên khai khi giao dịch vay tiền thời hạn vay là 10 ngày, hai bên không thỏa thuận mức lãi suất. Ông Đ khai sau này phía ông D, bà G xuống tính lãi suất 30%, còn phía ông D khai lãi suất 1,5%. Xét thấy, hai bên xác định đây là tiền vay có trả tiền lãi suất, nhưng do hai bên không xác định rõ và có tranh chấp về mức lãi suất, nên tiền lãi được tính theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất... không được vượt quá 20%/năm...*” Như vậy, mức lãi suất được tính là 10% /năm, quy ra tháng là 0,83%/tháng. Thời gian vay vào ngày 26/01/2018 tính đến ngày xét xử là 29 tháng 04 ngày và tiền lãi suất cụ thể như sau: Số tiền vốn vay 35.000.000 đồng x mức lãi suất là 0,83%/tháng x thời gian tính lãi làm tròn 29 tháng thành tiền lãi là 8.424.500 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông D, bà G chỉ có một phần cơ sở, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tiền vốn và tiền lãi của ông D, bà G.

Buộc ông Lê Minh Đ và bà Võ Thị Kim T liên đới trả cho ông D, bà G số tiền vốn 35.000.000 đồng, tiền lãi là 8.424.500 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 43.424.500 đồng, được trừ đi số tiền đã trả là 7.000.000 đồng, còn lại phải trả tiếp số tiền là 36.424.500 đồng.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Ông D, bà G phải chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357, Điều 468 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị G.

- Buộc bà Võ Thị Kim T và ông Lê Minh Đ liên đới trả tiếp tiền vốn và tiền lãi cho ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị G số tiền là 36.424.500 đồng.

- Kể từ ngày bà G, ông D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, ông Đ chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Kim T và ông Lê Minh Đ liên đới chịu 1.821.225 đồng.

- Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị G phải chịu 1.495.875 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận yêu cầu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D, bà G đã nộp là 1.658.550 đồng theo biên lai thu số 0002311 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè. Hoàn lại ông D, bà G số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn dư là 162.675 đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử

phúc thẩm. Anh C được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào hồi 08 giờ ngày 01 tháng 7 năm 2020, vắng mặt anh C.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN